

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO
TỔNG KẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP cấp nước Thanh Hóa

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Về cơ cấu tổ chức:

1.1 Bộ máy của công ty bao gồm:

- Hội đồng quản trị: Gồm 05 thành viên;
- Ban Tổng giám đốc: Gồm 04 thành viên;
- Ban Kiểm soát: Gồm 03 thành viên
- 08 phòng ban nghiệp vụ và 19 đơn vị trực thuộc
- Tổng số cán bộ Đảng viên & Người lao động: 803 người, trong đó: Nữ 328 người (chiếm 40%),

1.2. Vốn điều lệ: 329.954.110.000 đồng, trong đó:

- Nhà nước nắm giữ: 63,62% vốn điều lệ.
- Cổ đông khác nắm giữ 36,38% vốn điều lệ.

1.3. Chức năng, nhiệm vụ:

Ngành nghề chính: Sản xuất và kinh doanh nước sạch;

Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

2. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm ủng hộ và chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đảng ủy khối cơ quan & doanh nghiệp tỉnh, sự ủng hộ giúp đỡ của các cấp chính quyền, các Sở Ban ngành và nhân dân trên địa bàn toàn Tỉnh;

- Sự sáng tạo, linh hoạt và quyết liệt trong quản lý điều hành của HĐQT, ban Tổng Giám đốc;

- Được sự đoàn kết đồng lòng và quyết tâm cao của tập thể cán bộ Đảng viên, người lao động; Với tinh thần làm việc có trách nhiệm và ý thức chấp hành kỷ luật cao.

- Sự đồng thuận và ủng hộ của Cổ đông lớn cũng là yếu tố quan trọng góp phần ổn định để phát triển;

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty được hoàn thiện. Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong hoạt động SXKD;

- Chất lượng hệ thống mạng lưới cấp nước ngày càng được nâng cao thông qua việc thay thế, sửa chữa cải tạo hàng năm;

- Đặc thù ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản phẩm thiết yếu, nên nhu cầu xã hội ngày càng tăng;

- Chính trị xã hội ổn định và hội nhập quốc tế sâu rộng là những yếu tố quan trọng để Công ty ổn định và phát triển bền vững.

3. Khó khăn:

- Là đơn vị sản xuất và cung cấp dịch vụ, do đó đại dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam từ ngày 23/1/2020 và những hệ lụy kéo dài sau dịch, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

- Từ ngày 01/8/2018 đến nay (sau gần hai năm rưỡi), Công ty chưa được điều chỉnh giá nước, trong khi đó giá điện tăng 8,36%; Lương cơ bản tăng 14,6%; Giá vật tư nguyên liệu biến động thất thường (Việc điều chỉnh tăng giá nước 9,5% vào tháng 3/2020, đã bị tạm dừng lại do dịch covid-19). Đây thực sự là vấn đề khó khăn trong thực hiện kế hoạch tài chính năm 2020 cũng như các năm tiếp theo.

- Trong năm 2020 hoạt động sản xuất cấp nước gặp rất nhiều khó khăn, do nguồn nước thô thiếu ổn định, tình trạng kênh dẫn xuống cấp nên việc đóng nước tu sửa kênh mương diễn ra với tần suất ngày một nhiều hơn (Trong năm có tới 10 đợt đóng nước, mỗi đợt từ 5-7 ngày). Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước và xâm nhập mặn ngày một thường xuyên hơn không theo quy luật, nhiều thời điểm phải dừng sản xuất, dẫn đến việc khai thác và xử lý nước gặp nhiều khó khăn, làm gia tăng chi phí trong quá trình xử lý nước, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh, cụ thể tại các nhà máy lớn;

+) NMN Hàm rồng, thời gian phải dừng SX là 767 giờ, trong đó dừng do nước nhiễm mặn 588 giờ;

+) NMN Mật sơn; Dừng sản xuất do mất điện 62,3 giờ

+) Các nhà máy khác phải dừng sản xuất do mất điện từ 10 đến 45 giờ;

+) Tại một số nhà máy; Nguồn nước thô có nguy cơ khan hiếm và ô nhiễm do phụ thuộc nước Hồ, Đập như; Hồ Cống Khê CN Ngọc Lặc, Đập cầu hung CN Nghi Sơn..., đã làm ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất của đơn vị;

- Với hơn 4.600 km đường ống truyền tải, hệ thống cũ mới đan xen, được xây dựng qua nhiều thời kỳ và trải rộng khắp các địa phương trong tỉnh gây khó khăn cho công tác quản lý vận hành và công tác phòng, chống thất thoát thu nước, đồng thời ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cung cấp.

- Ý thức bảo vệ nguồn nước thô của một bộ phận người dân sống gần khu vực kênh dẫn còn hạn chế. Sự vào cuộc của chính quyền các địa phương trong công tác tuyên truyền vận động bảo vệ nguồn nước cũng như xử lý hành vi gây ô nhiễm nguồn nước chưa được kịp thời và chưa thực sự quyết liệt.

- Công tác chỉnh trang đô thị, đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng hệ thống mạng lưới cấp nước, làm gián đoạn cục bộ nhiệm vụ cấp nước, gây bức xúc

cho nhân dân. Trong quá trình thi công nâng cấp mở rộng hệ thống đường giao thông còn thiếu tính phối hợp của các chủ đầu tư;

- Công tác phát triển khách hàng gặp nhiều khó khăn, do bất cập giữa cấp phép và thực tế dẫn đến không có mặt bằng thi công; Tính thiếu nhất quán trong chủ trương xây dựng hệ thống cấp nước của chính quyền địa phương, cũng như chưa thực sự thấu hiểu và chia sẻ đồng hành cùng Công ty trong công tác xã hội hóa cấp nước của các cơ quan truyền thông và người dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020:

3. Các chỉ tiêu chính đạt được:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2020 | So sánh (%) | |
|----|-----------------------|----------------|-------------------|-------------|------------|
| | | | | So KH | So cùng kỳ |
| 1 | Nước hàng hóa | m ³ | 33.190.325 | 105,3 | 107,6 |
| 2 | Doanh thu | Tr.đ | 366.360 | 107,7 | 103,8 |
| | <i>Tiền nước</i> | Tr.đ | 343.685 | 106,2 | 106,0 |
| | <i>X lắp +TV+Khác</i> | Tr.đ | 22.675 | 136,4 | 79,4 |
| 3 | Tỉ lệ thất thoát | % | 19,82 | - 0,18 | -1,32 |
| 4 | Phát triển KH | Hộ | 14.096 | 141,8 | 112,4 |
| 5 | Nộp ngân sách | Tr.đ | 44.110 | 144,8 | 119,6 |
| 6 | Lợi nhuận | Tr.đ | 50.059 | 159,8 | 149,7 |
| 7 | Thu nhập bình quân | Đồng | 9.950.000 | 104,7 | 102,6 |

4. Công tác quản lý, điều hành:

Trong điều kiện khó khăn do đại dịch covid-19. Năm 2020 công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành tiếp tục được phát huy và đổi mới, sáng tạo. Không khí thi đua sôi nổi trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, đã góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mục tiêu kép của Chính phủ đề ra đó là "vừa phát triển kinh tế-XH vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh"

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tính dân chủ, tạo được sự đoàn kết đồng thuận, nhất trí cao trong nội bộ Công ty. Đề ra các chủ trương, giải pháp hữu hiệu trong lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp; Hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy, thực hiện điều động, luân chuyển và bổ nhiệm nhiều vị trí cán bộ chủ chốt, góp phần ổn định và nâng cao hiệu lực hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh; Thực hiện giải pháp quản lý chặt chẽ, tiết kiệm tối đa các chi phí sản xuất, đưa ra các giải pháp kịp thời, phù hợp, tháo gỡ khó khăn đảm bảo thu nhập nâng cao đời sống cho người lao động.

Với sự sáng tạo và chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của HĐQT, Ban điều hành trong việc thực hiện nghiêm ngặt chế độ quản lý vận hành, cùng với tinh thần thi đua sáng tạo, các đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất, do đó đã tiết kiệm đáng kể chi phí trong sử dụng điện năng và hóa chất xử lý nước, cụ thể:

- Tại các nhà máy Mật sơn; Hàm rồng; Quảng Thịnh;

+) Giảm từ điện: 151.755 Kw = 257.983.000đ

+) Giảm từ Hóa chất: 760.519.000đ

- Các đơn vị khác như: NMN Nghi Sơn giảm tiền điện 125.000.000đ; NMN Hoàng Hóa giảm điện, hóa chất hơn 200.000.000đ...vv;

Ban điều hành đã thường xuyên phối hợp với các cấp ủy Đảng, đoàn thể nâng cao hiệu lực hiệu quả trong điều hành. Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần quyền lợi cho người lao động, tạo nên sức mạnh tập thể và khí thế trong lao động SX, tạo môi trường tốt để CBCNV có sự cống hiến, toàn tâm toàn ý để xây dựng và phát triển Công ty.

Phối hợp chặt chẽ có hiệu quả các hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát, tuân thủ đúng điều lệ công ty và đúng quy định của Pháp luật;

4.1. Về hoạt động sản xuất cấp nước:

Trong điều kiện bất lợi về nguồn nước thô, nguồn điện, giá nước chưa được điều chỉnh và giá nguyên liệu hóa chất vật tư thiết bị đều tăng. Nhưng với sự sáng tạo quan tâm chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành. Công tác sản xuất cấp nước được đảm bảo an toàn, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng nước của khách hàng; Tuyệt đối tuân thủ quy trình sản xuất cấp nước, đảm bảo chất lượng nước theo đúng QCVN 01:2009/BYT; Chất lượng dịch vụ được nâng cao trên tất cả các tiêu chí như: về áp lực, lưu lượng, nước thành phẩm và các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc khách hàng...vv;

4.2. Công tác quản lý tài chính:

Tình hình tài chính của công ty tương đối ổn định, bảo đảm nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư nâng cấp, sửa chữa, cải tạo. Hoạt động thu- chi Minh bạch, đúng quy định; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, nộp ngân sách 44,11 tỷ đồng tăng 144,8% so kế hoạch, 119,6% so với cùng kỳ; Lợi nhuận 50,059 tỷ đồng, tăng 159,8% so KH, 149,7% so với cùng kỳ;

Sử dụng hợp lý các nguồn lực tài chính, tận dụng tối đa nguồn vốn nhân rồi một cách có hiệu quả, tiết giảm tối đa chi phí sản xuất. Năm 2020 Công ty đã thực hiện chuyển đổi thành công sử dụng Hóa đơn điện tử, góp phần vào mục tiêu hiện đại hóa quản trị Doanh nghiệp.

Báo cáo quyết toán tài chính được thiết lập chất lượng, đảm bảo đúng thời gian quy định.

Công tác thu hồi công nợ được thực hiện quyết liệt và đã thu được kết quả nhất định; Năm 2020 Công ty đã thu nợ hơn 13 tỷ đồng;

Có được kết quả trên là sự nỗ lực cố gắng của toàn bộ hệ thống các tổ chức đoàn thể toàn công ty, đặc biệt công tác tham mưu, quản lý về lĩnh vực tài chính của Phòng Tài chính Kế toán.

4.3. Công tác tổ chức nhân sự, sử dụng lao động:

- Công tác tổ chức, quản lý nhân sự là nhiệm vụ then chốt, luôn được quan tâm hàng đầu. Năm 2020 với sự tham mưu tích cực của phòng Tổ chức các bộ, Công ty đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức tại một số Phòng ban đơn vị; Điều động và bổ nhiệm một số vị trí cán bộ chủ chốt, phù hợp với năng lực và sở trường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong lãnh đạo chỉ đạo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Chế độ tiền lương cho người lao động được chi trả kịp thời, đúng đủ. Chính sách đóng BHXH, BHYT, BH Thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Công tác đào tạo nâng lương, nâng bậc cho CBĐV&NLĐ được thực hiện kịp thời, đảm bảo lợi ích cho người lao động theo đúng quy định của nhà nước; Trong năm 2020 Công ty đã thực hiện nâng bậc lương cho 410 NVLĐ. Thu nhập bình quân đạt: 9.950.000 đồng/người/tháng;

4.4. Công tác Văn phòng:

Công tác văn phòng, văn thư lưu trữ, được thực hiện khoa học đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ;

Công tác hành chính, y tế, vệ sinh chăm sóc cảnh quan môi trường... luôn đảm bảo;

công tác phục vụ, hội nghị khánh tiết kịp thời, trang trọng, chu đáo.

4.5. Công tác kế hoạch, vật tư:

Các Phòng ban chức năng đã kịp thời tham mưu cho lãnh đạo công ty lựa chọn những nhà cung cấp có uy tín, đa dạng hóa nguồn cung chủ động vật tư phục vụ cho sản xuất, ổn định giá cả đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Năm 2020 đã tiết kiệm cho Công ty hơn 1,13 tỷ đồng từ việc thương thảo, đàm phán giữ không cho tăng giá đồng hồ DN15 (So với giá mua của các đơn vị cấp nước trong khu vực);

Công tác vật tư luôn đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Việc quản lý vật tư được thực hiện đúng qui định; Vật tư, thiết bị luôn đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý. Việc mua bán, quản lý, cấp phát vật tư thực hiện đúng nguyên tắc, nhanh gọn, khoa học đáp ứng yêu cầu trong hoạt động sản xuất.

4.6. Công tác quản lý kỹ thuật:

Thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật, đảm bảo chất lượng nước theo quy định của Bộ y tế, hệ thống máy móc thiết bị được kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên, tuổi thọ của thiết bị được kéo dài, năng lực cấp nước được nâng cao, đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất cấp nước. Công tác tư vấn thiết kế, thi công, nghiệm thu công trình thực hiện đúng quy trình, cơ bản đáp ứng yêu cầu đã đề ra.

Công tác kiểm tra giám sát chất lượng nguồn nước được thực hiện nghiêm túc. Tuyệt đối tuân thủ quy trình sản xuất theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong việc lấy mẫu nước phân tích xét nghiệm mẫu theo quy định của bộ y tế.

Công tác kiểm tra, đánh giá các công trình trước khi đầu tư, cải tạo được thực hiện chặt chẽ, qua đó đề xuất báo cáo Ban điều hành quyết định đầu tư kịp thời có hiệu quả trong xây dựng cơ bản.

Công tác kiểm tra hồ sơ, giám sát thi công được thực hiện đúng quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng, đạt hiệu quả trong đầu tư sản xuất.

Năm 2020 Công ty đã hợp tác với tập đoàn Setfil triển khai thực hiện thí điểm dự án ứng dụng khoa học công nghệ trong quản trị mạng để giảm tỉ lệ thất thoát thất thu nước. Trước đó hệ thống châm clo và giám sát nguồn nước tự động, tại chi nhánh

SXNTP được tập đoàn tài nguyên nước Hàn Quốc tài trợ lắp đặt, đang được sử dụng thử nghiệm rất hiệu quả.

4.7. Công tác phòng chống thất thoát nước:

Thực hiện Quyết định số 2147/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch 170/KH-UBND của ủy ban nhân dân tỉnh Thanh hóa về chống thất thoát thất thu nước sạch đến năm 2025. Công ty đã bằng nhiều biện pháp như ưu tiên nguồn lực cho công tác sửa chữa cải tạo hệ thống mạng; Tăng cường thực hiện việc phân vùng, tách mạng lắp đặt đồng hồ tổng để kiểm soát tỷ lệ thất thoát; Tăng cường công tác quản trị mạng, áp dụng công nghệ tiên tiến từng bước hiện đại hóa trong công tác quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước.

Với hệ thống mạng lưới đường ống trải rộng, chất lượng xuống cấp do được đầu tư qua nhiều thời kỳ, kinh phí đầu tư còn rất hạn chế. Song dưới sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo công ty, sự nỗ lực cố gắng của các đơn vị, tỷ lệ thất thoát nước bình quân chung đạt 19,83%; giảm 1,32% so với cùng kỳ năm 2019;

4.8. Công tác phát triển khách hàng:

Với chủ trương ưu tiên cho công tác phát triển khách hàng mở rộng thị trường. Năm 2020 mặc dù nguồn vốn đầu tư còn hạn hẹp, khách hàng dàn trải trên khắp các địa bàn. Công tác xã hội hóa trong cấp nước gặp nhiều khó khăn do phụ thuộc điều kiện kinh tế của từng địa phương, việc phân vùng quy hoạch cấp nước cho các Doanh nghiệp khác trong Tỉnh cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến công tác phát triển khách hàng. Song bằng sự sáng tạo, nhạy bén và chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành, Công ty đã đấu mối với tổ chức phi Chính phủ Vnhellp và được tài trợ trong công tác phát triển khách hàng gần 05 tỷ đồng (Hỗ trợ phát triển cho hơn 3000 hộ dân); Nâng số khách hàng phát triển mới trong năm là 14.096 KH, tăng 112,4% so với cùng kỳ.

4.9. Công tác chăm sóc khách hàng:

Công tác chăm sóc khách hàng luôn được chú trọng, chất lượng dịch vụ ngày được nâng cao. Các đơn vị trực thuộc đều có đường dây nóng, tiếp nhận thông tin 24/24h, tư vấn và giải quyết kịp thời mọi thắc mắc từ phía khách hàng, đem lại sự hài lòng và được khách hàng ghi nhận, đánh giá cao. Khả năng giao tiếp của cán bộ CNV đối với khách hàng ngày càng có tính chuyên nghiệp cao,

Hoạt động thanh tra, kiểm tra được tăng cường, đã góp phần ngăn ngừa và hạn chế những biểu hiện tiêu cực trong việc chấp hành nội qui, qui chế của công ty; Trong năm 2020 đã phát hiện xử lý khiển trách và kỷ luật một số trường hợp vi phạm quy chế của Công ty.

4.10. Công tác đầu tư, XDCB:

Để nâng cao năng lực sản xuất cấp nước và giảm tỉ lệ thất thoát thất thu nước. Công ty đã tập trung ưu tiên cho đầu tư nâng cấp, sửa chữa cải tạo, thay thế, lắp đặt mở rộng mạng lưới cấp nước tại nhiều địa bàn, đáp ứng nhu cầu dùng nước của khách hàng; Nhiều tuyến ống xuống cấp nghiêm trọng và quá khả năng truyền tải, đã được thay thế kịp thời. Năm 2020 đã có hơn 50 hạng mục công trình được thay thế, sửa chữa; Một số nhà máy đã và đang nâng công suất vận hành như: NMN Nông Cống tăng từ 2.400 lên 4.800m³/ng.đêm; NMN Hoàng Hóa từ 7.200 lên 12.200m³/ng.đêm; NMN Nghi Sơn 2.800 lên 7.000m³/ng.đêm; NMN Mật sơn

50.000 lên 70.000m³/ng.đêm ...vv, khi hoàn thành sẽ nâng tổng công suất các nhà máy lên 160.000 m³/ng.đêm, làm tăng thêm đáng kể năng lực sản xuất cấp nước trên địa bàn, đáp ứng tốt nhu cầu dùng nước của khách hàng, đặc biệt vào dịp cao điểm.

4.11. Công tác an toàn – Vệ sinh lao động:

Công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước được thực hiện chặt chẽ. An toàn vệ sinh lao động được duy trì thường xuyên, khu vực các hồ chứa nước được xây rào kiên cố và bảo vệ nghiêm ngặt, có hệ thống Camera giám sát và bảo vệ trực 24/24h. Hệ thống máy móc thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng kịp thời, vệ sinh công nghiệp được thực hiện thường xuyên. Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc;

An ninh, trật tự an toàn tại các đơn vị trong địa bàn công ty quản lý được giữ vững và ổn định. Đời sống người lao động được nâng cao, quyền và lợi ích người lao động được đảm bảo.

4.12. Chế độ, chính sách, quyền lợi của người lao động và chính sách An sinh xã hội:

Chế độ, quyền lợi của người lao động luôn được Công ty quan tâm chú trọng. Thu nhập bình quân của CBDV&NLĐ đạt mức **9.950.000** đồng/người/tháng, bằng 102,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Các chế độ, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động luôn được đảm bảo; ngoài việc thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo qui định của pháp luật, Công ty còn duy trì hỗ trợ thêm các chế độ phúc lợi vào các ngày lễ lớn như: Ngày 8/3; Ngày 1/5; Ngày 1/7; Ngày 2/9; Tết dương lịch... với mức BQ **4.500.000đ**/người/năm. Các chế độ về ăn ca, trang cấp đồng phục bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm an toàn lao động được thực hiện đầy đủ. Hỗ trợ, động viên CBCNV có hoàn cảnh khó khăn ...vv; Đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên ngày một cải thiện. Trong năm Công ty đã bố trí sắp xếp cho toàn thể CBCNV đi nghỉ dưỡng tại biển Sầm Sơn, tạo thêm động lực, sự phấn khởi và tin tưởng của CBCNV vào sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Công ty, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021 mà Công ty đã đề ra.

Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến các hoạt động tình nghĩa, từ thiện. Cán bộ công nhân viên nhiệt tình tham gia xây dựng các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, quỹ mái ấm công đoàn, ủng hộ vì người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt...vv, với tổng số tiền hơn **600** triệu đồng.

4.13. Công tác quốc phòng an ninh:

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về quốc phòng an ninh cho toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động trong toàn Công ty. Trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng thủ Quốc phòng- an ninh; Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, không để xảy ra mất trật tự trị an trong khu vực, bảo vệ an toàn tuyệt đối về người và tài sản của Công ty.

Năm 2020 Công ty đã phối hợp với BCHQS thành phố Thanh hóa, tập huấn kiến thức Quốc phòng (thuộc đối tượng 3) cho 08 đ/c cán bộ chủ chốt; Huấn luyện chính trị cho lực lượng tự vệ 30 đ/c; Cử 20 đ/c tham gia phối hợp với Công an PCCC

xây dựng và thực hành phương án PCCC; Thực hiện nghiêm công tác tuyển quân, năm 2020 đã cử 10 đ/c đủ tiêu chuẩn tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự.

Chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối cơ quan và Doanh nghiệp Tỉnh về thực hiện NQ hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới”; Cùng cố trung đội dân quân tự vệ Công ty; tạo điều kiện tốt nhất để tham gia huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu, ứng phó thiên tai, dịch bệnh khi được điều động.

4.14. Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở:

Bộ máy quản lý điều hành thường xuyên phối hợp với Đảng ủy, Công đoàn cơ sở tổ chức tốt các cuộc đối thoại trực tiếp với người lao động, giải quyết kịp thời, thỏa đáng mọi thắc mắc, tạo ra sự minh bạch, hài hoà, giúp người lao động yên tâm làm việc, nỗ lực hết mình cùng Ban lãnh đạo Công ty phấn đấu vì sự phát triển của Công ty.

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở thường xuyên được thực hiện chặt chẽ kịp thời. Kết quả thanh tra cho thấy; Việc bố trí sắp xếp lao động tại các đơn vị tương đối hợp lý, phù hợp chuyên môn của từng vị trí công việc. Phân phối thu nhập đúng đủ kịp thời; Đặc biệt công tác thu-chi tài chính thể hiện minh bạch khách quan, thu nhập của người lao động được đảm bảo;

4.15. Đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị:

Với sự nỗ lực phấn đấu của các phòng ban đơn vị trực thuộc. Năm 2020, hầu hết các đơn vị trong Công ty đều hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra như: Sản lượng nước hàng hóa, doanh thu tiền nước, tỷ lệ thất thoát thất thu nước, phát triển khách hàng, thay đồng hồ định kỳ. Tiêu biểu là các đơn vị: Chi nhánh SX nước TPTH; CNCN Bắc TP; CNCN Nông Cống; CNCN Hoàng Hóa; Phòng TCCB; Phòng KHVT...vv, đã được lãnh đạo công ty đánh giá cao và được Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty ghi nhận.

5. Công tác thi đua khen thưởng:

Với những thành tích đã đạt được trong hoạt động SXKD năm 2020, Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty đã đánh giá, lựa chọn khen thưởng cho một số tập thể cá nhân:

*** Về tập thể:**

- 06 đơn vị đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc;
- 20 đơn vị đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến;
- 03 đơn vị được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc;

*** Về cá nhân:**

Biểu dương, khen thưởng 529 cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến; 69 cá nhân được Tổng Giám đốc Công ty tặng giấy khen; 162 cá nhân được công nhận “Công dân gương mẫu”; 10 cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở”; 01 cá nhân được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận CSTĐ cấp tỉnh.

Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty ghi nhận và biểu dương những thành tích của các tập thể, cá nhân tiêu biểu đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2020 đóng góp tích cực vào kết quả thực hiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD của toàn Công ty.

6. Những hạn chế tồn tại và nguyên nhân:

6.1. Hạn chế:

- Tính tuân thủ của một số cán bộ chủ chốt chưa cao, uy tín đối với người lao động còn thấp;
- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đôi lúc chưa kịp thời; Công tác kiểm tra, giám sát chưa được thường xuyên,
- Sự phối kết hợp giữa các phòng, ban, đơn vị vẫn chưa thực sự đồng bộ,
- Công tác quản lý, điều hành sản xuất tại một số đơn vị còn thiếu quyết liệt, chưa thực sự chặt chẽ; Một bộ phận CBNV còn thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa thực hiện nghiêm quy chế quản lý kỹ thuật của Công ty.
- Tỷ lệ thất thoát thất thu nước tuy đã giảm nhưng chưa đạt mục tiêu kế hoạch theo lộ trình của UBND tỉnh đề ra;
- Tỷ lệ khách hàng không sử dụng nước (0m³) đang có chiều hướng tăng cao;
- Chất lượng Hồ sơ trong công tác đầu tư, sửa chữa cải tạo chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

6.2. Nguyên nhân:

Ngoài những nguyên nhân khách quan, còn có những nguyên nhân chủ quan chính xuất phát từ ý thức trách nhiệm cá nhân người đứng đầu đơn vị trong việc lãnh đạo chỉ đạo và quản lý điều hành; Ý thức chấp hành kỷ luật của một bộ phận nhỏ CBĐV&NLĐ còn hạn chế, tinh thần trách nhiệm chưa cao...;

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2021:

1. Mục tiêu:

Trên cơ sở kết quả thực hiện KHSXKD năm 2020 và định hướng chiến lược phát triển Công ty trong 2021-2025. Ban Tổng Giám đốc xác định mục tiêu nhiệm vụ năm 2021 cụ thể như sau:

Nâng cao hiệu quả SXKD, đảm bảo tính phát triển bền vững với các mục tiêu chính; Kiên trì mục tiêu ưu tiên cho công tác phát triển khách hàng; Dành nguồn lực đầu tư thỏa đáng nhằm đồng bộ hệ thống cấp nước. Phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2021; Hạ tỷ lệ thất thoát thất thu nước xuống mức $\leq 18\%$; Giữ tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 4-6% về doanh thu, lợi nhuận và thu nhập bình quân người lao động; Từng bước hiện đại hóa trong công tác quản trị hệ thống mạng lưới cấp nước; Tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ;

Các chỉ tiêu chính:

- | | |
|-------------------|---------------------------|
| - Nước hàng hóa: | 34.594.339 m ³ |
| - Tổng doanh thu: | 370.880 triệu đồng |
| Tiền nước: | 356.700 triệu đồng |

| | |
|---------------------------------|-------------------------|
| <i>Xây lắp, tư vấn+DT khác:</i> | 14.180 triệu đồng |
| - Tỷ lệ thất thoát: | 18,0% |
| - Phát triển khách hàng: | 10.880 hộ |
| - Nộp ngân sách: | 46,0 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận: | 37,5 tỷ đồng |
| - Thu nhập bình quân: | 9.000.000 đ/người/tháng |
| - Độ bao phủ dịch vụ cấp nước: | |

Thành phố Thanh Hóa 96-98%; TP Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn 95% ; Các khu vực khác từ 92% trở lên.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm:

1. Tiếp tục nâng cao ý thức trách nhiệm, tránh chủ quan lơ là trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19; Tuyệt đối tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định của Thủ tướng chính phủ và UBND tỉnh Thanh Hóa; Phấn đấu hoàn thành tốt mục tiêu kép “ Vừa phát triển kinh tế-XH vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh” mà Chính phủ đề ra;

2. Tiếp tục siết chặt công tác bảo vệ, quản lý nguồn nước, đảm bảo phương án cấp nước an toàn;

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản trị Doanh nghiệp, quản trị hệ thống mạng lưới cấp nước; Tập trung triển khai công tác sửa chữa cải tạo hệ thống MLCN (ưu tiên các tuyến ống đã xuống cấp nghiêm trọng), Thực hiện đồng bộ các giải pháp, phấn đấu đưa tỉ lệ thất thoát thất thu nước xuống dưới 18%;

4. Ưu tiên nguồn lực, tranh thủ sự ủng hộ của tổ chức VNHellp; Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, mở rộng thị trường theo hình thức xã hội hóa.

5. Bằng nhiều hình thức, quyết tâm hạ tỉ lệ khách hàng $0m^3 \leq 9\%$ tổng số khách hàng của Công ty;

6. Tập trung hoàn thiện thủ tục hồ sơ cải tạo hệ thống lắng la men tại NMN Mật Sơn, kịp thời cấp nước cho hè 2021 đảm bảo năng lực cấp nước cho khu vực thành phố Thanh Hóa; TP Sầm Sơn và các khu vực vệ tinh lân cận.

7. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thành công lễ kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Công ty 1/7/1931-1/7/2021;

3. Một số giải pháp chủ yếu:

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021, chúng ta cần tập trung một số giải pháp chủ yếu sau đây:

3.1. Giữ vững và phát huy khối đại đoàn kết trong tập thể Đảng viên & Người lao động toàn Công ty;

3.2. Nâng cao chế độ nêu gương của người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và các nội quy, quy chế công ty, các qui định của pháp luật trong hoạt động SXKD đối với toàn thể CBDV và người lao động;

3.3. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc,

3.4 Siết chặt kỷ cương, kỷ luật lao động, tăng cường hơn nữa công tác giám sát, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm trong việc chấp hành nội quy, qui chế của Công ty.

3.5. Xây dựng kế hoạch công việc cụ thể, công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ đối với từng đồng chí phụ trách của từng đơn vị,

3.6. Thực hiện tốt công tác biểu dương, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua sản xuất; Đồng thời xử lý nghiêm đối với các cá nhân, tập thể không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm các quy định của Công ty.

3.7. Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức đoàn thể, thông qua các phong trào thi đua. Tạo điều kiện một cách tốt nhất để các đoàn thể trong Công ty hoạt động nhằm phát huy trí tuệ, sức mạnh tập thể, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2021 đã đề ra.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành, Kính trình quý vị cổ đông xem xét, thảo luận thông qua./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Cần



Số: 20 /BC-HĐQT

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP cấp nước Thanh Hóa

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty CP cấp nước Thanh Hóa (Điều lệ công ty), Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/6/2020, HĐQT công ty CP cấp nước Thanh Hóa báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của HĐQT năm 2020, chương trình công tác của HĐQT năm 2021 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

1. Tình hình nhân sự:

Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 được Đại hội đồng cổ đông bầu có 05 thành viên. Trong đó có 01 Chủ tịch chuyên trách, 01 Phó chủ tịch và 03 thành viên kiêm nhiệm. Cụ thể như sau:

1. Ông: Nguyễn Huy Nam – Chủ tịch HĐQT
2. Ông: Nguyễn Hùng Phương – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông: Nguyễn Ngọc Cần – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4. Ông: Lê Sỹ Len – Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc
5. Ông: Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng TCCB

2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2020.

Định kỳ hàng quý, và đột xuất Hội đồng quản trị đã tổ chức họp theo các hình thức phù hợp để ban hành các Nghị quyết, Quyết định cần thiết để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Các thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực, thể hiện sự đồng thuận cao về định hướng hoạt động của Công ty.

Trong năm 2020 HĐQT đã ban hành 02 nghị quyết và 46 quyết định, nội dung chính các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành tập trung vào các định hướng lớn của Công ty trong từng giai đoạn, tập trung vào công tác đầu tư, phát triển SXKD, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh- tài chính, phê duyệt kế hoạch và điều chỉnh kịp thời danh mục sửa chữa cải tạo, nâng cấp mạng lưới cấp nước cho phù hợp với tình hình thực

tế, và đảm bảo hiệu quả cao trong hoạt động SXKD, thông qua các vấn đề về tiền lương, định mức lao động gắn với yêu cầu nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả kinh doanh.

Hoạt động quản trị Công ty thực hiện đúng Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết, Quyết định đã được ban hành.

Theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo Tài chính năm 2020 (bao gồm cả soát xét Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ) là Công ty TNHH kiểm toán quốc tế. Hiện Báo cáo đã được kiểm toán xong và đã gửi cho các cơ quan chức năng.

Các Nghị quyết, Quyết định được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong một số trường hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

Việc Công bố thông tin được thực hiện thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ theo quy định.

Công tác giám sát đối với Ban điều hành.

- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, đưa ra các giải pháp kịp thời để đảm bảo hoạt động điều hành có hiệu quả của Ban Tổng Giám Đốc trong việc triển khai thực hiện các chiến lược, kế hoạch, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và trong điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật, các qui chế quản trị nội bộ của Công ty trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị thường xuyên tham dự các cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng của công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp.

- Chủ tịch HĐQT thường xuyên thông báo cho các thành viên HĐQT về tình hình hoạt động của công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định.

- Các Nghị quyết, các Quyết định phê duyệt KH SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng giám đốc thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp cùng với Ban Tổng giám đốc thống nhất các giải pháp, định hướng mục tiêu cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn giúp công tác quản trị, điều hành có hiệu quả hơn.

- Mọi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Tổng giám đốc Công ty luôn được phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Để thực hiện hoạt động giám sát đối với công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám Đốc. Cụ thể Ban Tổng giám đốc đã tập trung triển khai thực hiện tốt nội dung các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành tại các kỳ họp định kỳ hàng tháng.

Ban Tổng giám đốc quản lý, điều hành hoạt động SXKD theo qui định của Điều lệ, Quy chế của công ty và Pháp luật của Nhà nước. Lãnh đạo, chỉ đạo các phòng ban chức năng, các đơn vị sản xuất thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2020.

Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý.

Nhìn chung các Cán bộ quản lý đã có sự mẫn cán trong công việc, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao và đã tham mưu kịp thời và hiệu quả cho Ban lãnh đạo công ty.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐH ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Tuy còn gặp những khó khăn khách quan và chủ quan, song tình hình hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2020 tiếp tục ổn định và đạt kết quả khả quan; các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, thu nhập bình quân của người lao động tăng cao so với năm 2019 và vượt so với kế hoạch năm 2020; đời sống vật chất,

tinh thần của người lao động được nâng cao; uy tín, thương hiệu của Công ty ngày càng được củng cố.

Kết quả SXKD năm 2020 được thể hiện ở một số chỉ tiêu cơ bản sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2020 | So sánh (%) | |
|----|-----------------------|----------------|----------------|-------------|------------|
| | | | | So KH | So cùng kỳ |
| 1 | Nước hàng hóa | m ³ | 33.190.325 | 105,3 | 107,6 |
| 2 | Doanh thu | Tr.đ | 366.360 | 107,7 | 103,8 |
| | <i>Tiền nước</i> | Tr.đ | 343.685 | 106,2 | 106,0 |
| | <i>X lắp +TV+Khác</i> | Tr.đ | 22.675 | 136,4 | 79,4 |
| 3 | Tỉ lệ thất thoát | % | 19,82 | - 0,18 | -1,32 |
| 4 | Phát triển KH | Hộ | 14.096 | 141,8 | 112,4 |
| 5 | Nộp ngân sách | Tr.đ | 44.110 | 144,8 | 119,6 |
| 6 | Lợi nhuận | Tr.đ | 50.059 | 159,8 | 149,7 |
| 7 | Thu nhập bình quân | Đồng | 9.950.000 | 104,7 | 102,6 |

Bên cạnh kết quả trên, để tiếp tục thực hiện các mục tiêu chiến lược, Công ty dành mọi ưu tiên về nguồn lực để phát triển hệ thống cấp nước ở các địa bàn Công ty quản lý, triển khai có chọn lọc các dự án nâng cấp, cải tạo để giảm tỷ lệ thất thoát thất thu nước và mở rộng địa bàn cấp nước phục vụ khách hàng.

Để công tác sản xuất cấp nước đạt hiệu quả cao, giảm tỷ lệ thất thoát nước Công ty tiếp tục triển khai thực hiện công tác lắp đặt vận hành hệ thống đồng hồ tổng, phân vùng tách mạng, kiểm soát lượng nước thất thoát để có kế hoạch đầu tư sửa chữa, cải tạo tuyến ống, khu vực có tỷ lệ thất thoát cao do hệ thống cấp nước xuống cấp nghiêm trọng.

2. Chi phí thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, công ty năm 2020:

Chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, của công ty năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

| | |
|-------------------------------------------------------------------|---------------|
| - HĐQT: 04 người kiêm nhiệm x 2.000.000đ/tháng x 6 tháng | = 48.000.000đ |
| 03 người kiêm nhiệm x 3.000.000đ/tháng x 6 tháng | = 54.000.000đ |
| - Ban kiểm soát: 02 người kiêm nhiệm x 1.000.000đ/tháng x 6 tháng | = 12.000.000đ |
| 02 người kiêm nhiệm x 2.000.000đ/tháng x 6 tháng | = 24.000.000đ |

Cộng : 138.000.000đ

3. Chi trả cổ tức năm 2020:

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông chi cổ tức năm 2020 là 8,45%/ mệnh giá cổ phiếu.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2020 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Đánh giá khó khăn, thuận lợi

a. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, sự ủng hộ giúp đỡ của các cấp chính quyền, nhân dân và các Sở Ban ngành trong Tỉnh;

- Bộ máy lãnh đạo trong Công ty đoàn kết, năng động. Đội ngũ cán bộ, công nhân viên có năng lực, kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất, có ý thức kỷ luật và trách nhiệm đối với Công ty;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Công ty không ngừng được đầu tư nâng cấp, môi trường làm việc ngày càng được cải thiện. Các nhà máy được nâng công suất kịp thời, đáp ứng nhu cầu dùng nước cho khách hàng, đến nay tổng công suất toàn Công ty đạt trên 140.000m³/ng.đ. Hệ thống mạng lưới cấp nước ngày càng được mở rộng, là cơ sở để Công ty ổn định và phát triển.

- Sự quan tâm phối hợp của nhân dân các địa phương trong tỉnh về công tác xã hội hóa cấp nước, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc phát triển mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng.

- Tình hình kinh tế trong nước đang được duy trì và phát triển mạnh mẽ, chính trị xã hội ổn định, sự hội nhập quốc tế sâu rộng là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng tích cực đến sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo động lực để Công ty đẩy mạnh hơn nữa hoạt động sản xuất cấp nước.

b. Khó khăn:

- Năm 2020 hoạt động sản xuất cấp nước gặp rất nhiều khó khăn do diễn biến phức tạp của dịch Covid -19, nguồn nước thô thiếu ổn định, tình trạng kênh dẫn xuống cấp nên việc đóng nước tu sửa kênh mương diễn ra với tần suất ngày một dày hơn. Nguy cơ ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước và xâm nhập mặn thường xuyên xảy ra, nhiều thời điểm phải dừng sản xuất làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất cấp nước, đồng thời

làm tăng chi phí tiêu hao nguyên, nhiên liệu, ảnh hưởng hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

- Nguồn điện phục vụ sản xuất cấp nước thiếu ổn định, tình trạng mất điện lưới, hiện tượng tụt áp thường xuyên xảy ra vào giờ cao điểm, nhất là vào mùa nắng nóng, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất cấp nước và chất lượng, tuổi thọ của máy móc thiết bị;

- Trong những tháng đầu năm 2020 Dịch covid-19 diễn biến phức tạp và hệ lụy sau dịch làm giảm sản lượng nước hàng hóa, giảm giá nước bình quân dẫn đến giảm nhiều về doanh thu tiền nước, ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận.

- Giá nước hiện hành được phê duyệt từ 01/8/2018 đến nay nhiều yếu tố đã làm tăng giá thành như: tăng giá điện, tăng tiền lương cơ sở, tăng chi phí khấu hao vv... Liên ngành Tài chính, Xây dựng đã thẩm định và thực hiện xong phản biện xã hội với giá nước mới tăng 9,5% so với giá cũ, dự kiến sẽ được áp dụng trong quý I/2020. Song do tác động của dịch Covid-19 nên chưa được phê duyệt trong năm 2020, làm ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2021

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2020 và định hướng chiến lược phát triển Công ty. HĐQT xác định mục tiêu nhiệm vụ năm 2021 như sau:

Các chỉ tiêu chính:

| | |
|------------------------------|----------------------------|
| - Nước hàng hóa: | 34.594.339 m ³ |
| - Tổng doanh thu: | 370,88 tỷ đồng |
| + Tiền nước: | 356,70 tỷ đồng |
| + Xây lắp, tư vấn + DT khác: | 14,18 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ thất thoát: | 18,0 % |
| - Phát triển khách hàng: | 10.880 hộ |
| - Nộp ngân sách: | 46,0 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận: | 37,5 tỷ đồng |
| - Thu nhập bình quân: | 9.000.000 đ/người/tháng |
| - Chi trả cổ tức: | 6,36 %/ mệnh giá cổ phiếu. |

2. Các nhiệm vụ trọng tâm:

- Nâng độ bao phủ dịch vụ cấp nước: Thành phố Thanh Hóa 96-98% (TP Thanh Hóa sau điều chỉnh địa giới hành chính); TP Sầm Sơn 95% ; Các khu vực khác từ 92 % trở lên. Tập trung thực hiện xong giai đoạn 1 chương trình cấp nước an toàn, đảm bảo ở mức cao nhu cầu tiêu dùng nước của tất cả khách hàng trên địa bàn công ty quản lý.

- Tập trung đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước, tiếp tục triển khai kế hoạch phân vùng tách mạng, lắp đồng hồ tổng kiểm soát lượng nước thất thoát để giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước theo chiều sâu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Thực hiện có hiệu quả các hình thức huy động vốn để triển khai các dự án đầu tư nâng công suất hệ thống cấp nước, dự án đầu tư mở rộng phát triển khách hàng.

- Thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng từng bước cải thiện chất lượng dịch vụ; nâng cao năng lực quản trị và điều hành doanh nghiệp, tiết giảm hơn nữa chi tiêu và tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT; soát xét, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống qui chế, định mức nội bộ để các qui chế, định mức này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Từng bước nâng cao năng suất lao động, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp, quản trị hệ thống cấp nước, quản lý khách hàng sử dụng nước, ứng dụng thành tựu của tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác vận hành sản xuất cấp nước và lắp đặt hệ thống cấp nước.

- Tiếp tục đầu tư để đưa ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và điều hành trong quản trị nhà máy và mạng lưới cấp nước, đặc biệt là trong công tác chống thất thoát, thất thu nước.

- Lập Kế hoạch triển khai Dự án cải tạo nâng công suất NM nước: Bim Sơn; Cẩm Thủy; dự án cải tạo lắp Lamel tại máy nước Mật Sơn, đồng bộ với triển khai công tác kết nối mạng phát triển thị trường, phát huy hiệu quả vốn đầu tư .

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

- Thực hiện nghiêm qui định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quy định về quản lý, bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước.

- Xây dựng hình ảnh Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp cấp nước có dịch vụ tốt, hướng đến khách hàng, đảm bảo thỏa mãn ở mức cao nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên tất cả các địa bàn công ty phục vụ cấp nước.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty, Kính trình quý cổ đông xem xét, thảo luận thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Nam



Thanh Hóa, ngày 28 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động trong năm 2020 và dự kiến kế hoạch hoạt động trong năm 2021 như sau:

PHẦN I:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ

Năm 2020, nhân sự của Ban kiểm soát có sự thay đổi do ngày 29/6/2020 Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025. Căn cứ kết quả bầu cử, ngay buổi chiều cùng ngày, Ban kiểm soát đã tiến hành họp để bầu Trưởng ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên; theo đó các thành viên được bầu, thay đổi như sau:

- Bà Lê Thị Hà - Trưởng ban chuyên trách;
- Ông Nguyễn Công Khanh – Thành viên kiêm nhiệm;
- Bà Trịnh Thị Huyền – Thành viên kiêm nhiệm;
- Ông Nguyễn Huy Trường – Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/6/2020);
- Ông Lê Văn Sơn – Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/6/2020).

2. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Ban Kiểm soát được Công ty chi trả theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 29/6/2020, theo đó Trưởng Ban kiểm soát hưởng tiền lương, tiền thưởng theo quy định tại ND 53/2016/NĐ-CP quy định về quản lý, lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của Nhà Nước; các thành viên khác hưởng thù lao với mức: Từ tháng 01/2020 - tháng 6/2020 là 1.000.000đ/người/tháng; từ tháng 7/2020 – tháng 12/2020 mức 2.000.000 đồng/người/tháng.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp. Các thành viên Ban kiểm soát tham họp đầy đủ; có 02 lần Chủ tịch hội đồng quản trị tham dự; 01 lần Tổng Giám đốc tham dự. Biên bản cuộc họp được ghi chi tiết, rõ ràng và được các thành viên Ban kiểm soát ký tên.

II. VỀ GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đối với Hội đồng quản trị

- Năm 2020 nhân sự các thành viên Hội đồng quản trị có sự thay đổi do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tiến hành bầu hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới (nhiệm kỳ 2020-2025). Căn cứ Nghị quyết, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp phiên thứ nhất để bầu Chủ tịch hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch hội đồng quản trị và bổ nhiệm các chức danh điều hành Công ty; theo đó các thành viên hội đồng quản trị được bầu, thay đổi như sau:

- + Ông Nguyễn Huy Nam - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- + Ông Nguyễn Hùng Phương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- + Ông Nguyễn Ngọc Cần - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc ngày 01/7/2020)
- + Ông Lê Sỹ Len - Thành viên, Phó Tổng giám đốc;
- + Ông Lê Văn Quý - Thành viên HĐQT (Bầu ngày 29/6/2020)
- + Ông Dương Văn Hóa - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 29/6/2020);
- + Ông Nguyễn Huy Nhấn - Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/6/2020)

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm các thành viên trong Hội đồng quản trị tham gia điều hành Công ty đã đảm bảo được cơ cấu giữa thành viên tham gia điều hành và thành viên không tham gia điều hành theo đúng quy định của pháp luật. Ngay sau Đại hội, Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và bàn giao công tác điều hành. Hội đồng quản trị đã xây dựng dự thảo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 theo quy định của pháp luật hiện hành để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Năm 2020, Hội đồng quản trị tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp và 05 lần lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành 02 nghị quyết và 46 quyết định triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tại các cuộc họp, Hội đồng quản trị đều có thảo luận, phân tích, đánh giá, đưa ra những mục tiêu, định hướng, xác định những lĩnh vực then chốt, từ đó có kế hoạch cụ thể để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát việc tổ chức thực hiện điều hành Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp đầy đủ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận, xin ý kiến. Biên bản họp được lập chi tiết, cụ thể. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong phạm vi thuộc thẩm quyền, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị đều xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cá nhân; thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

2. Đối với Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành Công ty

Trong năm 2020, nhân sự Tổng Giám đốc có sự thay đổi do HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 ra nghị quyết bổ nhiệm các chức danh điều hành Công ty nhiệm kỳ mới, theo đó Ông Nguyễn Ngọc Cần được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/7/2020 thay Ông Nguyễn Huy Nam được thôi giữ chức Tổng giám đốc để giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Trên cương vị Tổng giám đốc, các đồng chí đã tập trung chỉ đạo quyết liệt trên tinh thần quyết tâm thực hiện tốt Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao.

Năm 2020, Tổng giám đốc và các thành viên điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động; bảo toàn và phát triển được vốn góp của cổ đông; thực hiện tốt nghĩa vụ với nhà nước, với cổ đông, với người lao động và các đối tác của Công ty; tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và NQ ĐH đồng Cổ đông trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh: Năm 2020, Công ty tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh có nhiều yếu tố thuận lợi song cũng gặp không ít khó khăn, nhất là diễn biến của dịch Covid 19 kéo dài, ảnh hưởng lớn đến doanh thu cấp nước phục vụ khối kinh doanh dịch vụ và sản xuất; giá nước chưa được điều chỉnh theo lộ trình và yếu tố chi phí, qua mỗi năm càng khó khăn thêm; các khoản nợ đọng lâu năm trong hoạt động xây lắp vẫn còn nhiều, thu hồi chậm; số lượng khách hàng 0m3 ngày càng tăng.v.v. Trước những khó khăn đó, Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thời đưa ra các giải pháp, vừa tập trung đảm bảo công tác phòng chống dịch covid 19, vừa quyết tâm tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết tâm của HĐQT, Ban điều hành, cùng với sự cố gắng của tập thể người lao động, sự quan tâm ủng hộ, tạo điều kiện của cổ đông, năm 2020 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo tăng trưởng so với năm trước; thể hiện qua các chỉ tiêu như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Nghị quyết | Thực hiện | So sánh | |
|----|-----------------------|------------|----------------|---------|---------|
| | | | | NQ | Cùng kỳ |
| 1 | Nước hàng hóa (m3) | 31.511.192 | 33.190.325 | 105,3% | 107,6% |
| 2 | Doanh thu (trđ) | 340.235 | 366.360 | 107,7% | 103,8% |
| | Tiền nước | 323.619 | 343.685 | 106,2% | 106,0% |
| | Xây lắp, tư vấn, khác | 16.616 | 22.675 | 136,4 | 79,4% |
| 3 | Tỉ lệ thất thoát | 20% | 19,82% | -0,18% | -1,32% |
| 4 | PT khách hàng (hộ) | 9.941 | 14.096 | 141,8% | 112,4% |
| 5 | Nộp ngân sách (trđ) | 30.470 | 44.110 | 144,8% | 119,6% |
| 6 | L/nhuận trước TT(trđ) | 31.320 | 50.059 | 159,8% | 149,7% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 25.056 | 39.855 | | |
| 7 | TNBQ(ngìn/ng/tháng) | 9.500 | 9.950 | 104,7% | 102,6% |
| 8 | Tỉ lệ chia cổ tức | 5,32% | Dự kiến 8,45 % | 159,2% | 151,8% |

2.2. Tình hình đầu tư, sửa chữa cải tạo nội bộ

- Năm 2020 Công ty lập kế hoạch đầu tư và sửa chữa cải tạo hệ thống mạng lưới cấp nước nhằm mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng, năng lực cấp nước, giảm tỉ lệ nước thất thoát góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, với tổng giá trị phê duyệt là 73.087 triệu đồng, trong đó: Đầu tư mới là 38.680 triệu đồng; sửa chữa, cải tạo là 30.927 triệu đồng; giá trị dự phòng 3.480 triệu đồng;

Đến 31/12/2020, công ty đã thực hiện 41 công trình, trong đó gồm 25 công trình mới và 16 công trình từ năm trước chuyển sang; giá trị đã thực hiện ghi sổ kế toán là 44.218 trđ; giá trị dở dang năm trước chuyển sang là 34.514 trđ; giá trị đã quyết toán, tăng tài sản là 58.471 trđ; giá trị chuyển sang năm sau là 20.261 trđ.

Các công trình đầu tư, mua sắm chủ yếu bằng nguồn vốn khấu hao và vốn vay của các tổ chức ngân hàng. Có 25 công trình đã quyết toán, tăng tài sản; 16 công trình đang tiếp tục thi công theo tiến độ.

Thẩm quyền quyết định và trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hầu hết các công trình đưa vào sử dụng đều đáp ứng mục tiêu yêu cầu đề ra, theo đó đã nâng cao năng lực cấp nước, mở rộng thị trường, tăng trưởng doanh thu và giảm tỉ lệ nước thất thoát rõ rệt so với những năm trước, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.3. Tình hình quản lý lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương:

Công ty quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo đúng quy định của Pháp luật và quy chế nội bộ Công ty, gắn việc chi trả tiền lương, tiền thưởng với hiệu quả công việc, phù hợp với quy chế của Công ty. Trích, nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn đầy đủ đúng quy định. Cuối năm đánh giá sử dụng lao động và quyết toán quỹ lương cho người lao động trong Công ty đúng quy định.

2. Về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

2.1. Về bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020

ĐVT: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã số | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 140.844.355.834 | 131.658.940.981 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.842.000.336 | 6.143.385.341 |
| II. Đầu tư tài chính | 120 | 76.899.381.939 | 63.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 35.100.314.852 | 41.970.977.012 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 37.435.935.437 | 55.152.139.329 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 1.168.365.001 | 336.958.000 |
| 2. Phải thu nội bộ (tạm ứng, khác) | 136 | 18.923.510.416 | 17.757.664.978 |
| 3. Dự phòng phải thu khó đòi | 137 | (22.427.496.002) | (31.275.785.295) |

| | | | |
|-----------------------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| VI. Hàng tồn kho | 140 | 22.923.053.473 | 19.776.148.671 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác (thuế gtgt và phải thu NN) | 150 | 1.079.605.234 | 768.429.957 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 597.177.198.330 | 617.802.110.244 |
| I. Tài sản cố định (GTCL) | 221 | 567.118.288.045 | 569.364.121.608 |
| II. Tài sản dở dang (chi phí XDCBDD) | 240 | 20.261.879.638 | 34.514.335.644 |
| III. Tài sản dài hạn khác (ĐH, thiết bị) | 250 | 9.797.030.647 | 13.923.652.992 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 738.021.554.164 | 749.461.051.225 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 358.744.663.329 | 387.659.078.405 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 133.703.008.747 | 136.006.394.812 |
| 1. Phải trả người bán | 311 | 33.491.155.772 | 55.177.602.329 |
| 2. Người mua trả trước | 312 | 5.084.867.460 | 677.535.834 |
| 3. Phải trả nhà nước | 313 | 3.579.278.093 | 734.717.026 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 11.584.202.694 | 12.739.646.611 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn (lãi vay,..) | 315 | 4.007.512.049 | 802.811.487 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác (nội bộ) | 319 | 46.605.213.869 | 35.485.208.015 |
| 7. Vay và nợ tài chính NH | 320 | 24.542.749.896 | 24.542.749.896 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 4.808.028.914 | 5.846.123.614 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 225.041.654.582 | 251.652.683.593 |
| 1. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 4.122.892.316 | 4.621.171.431 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 220.918.762.266 | 247.031.512.162 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 379.276.890.835 | 361.801.972.820 |
| 1. Vốn góp của cổ đông | 411 | 329.954.110.000 | 329.954.110.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 9.467.650.118 | 5.518.200.818 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 39.855.130.717 | 26.329.662.002 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 738.021.554.164 | 749.461.051.225 |

2.2. Về kết quả hoạt động kinh doanh

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------------------------|-------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 366.360.507.977 | 352.814.104.440 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 11 | 254.713.991.670 | 222.658.264.398 |
| 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 111.646.516.307 | 130.155.840.042 |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.715.098.656 | 4.754.538.780 |
| 5. Chi phí tài chính (chi phí lãi vay) | 22 | 17.523.882.997 | 18.884.564.910 |
| 6. Chi phí bán hàng | 25 | 28.738.059.127 | 30.899.279.638 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 24.760.047.231 | 52.726.686.690 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD | 30 | 46.339.625.608 | 32.399.847.584 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | 3.761.080.560 | 687.267.455 |
| 10. Chi phí khác | 32 | 40.917.774 | 100.890.786 |
| 11. Lợi nhuận khác | 40 | 3.720.162.786 | 586.376.669 |
| 12. Tổng lợi nhuận trước thuế | 50 | 50.059.788.394 | 32.986.224.253 |
| 13. Lợi nhuận sau thuế | 60 | 39.855.130.717 | 26.329.662.002 |

3. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam; được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Đơn vị được UBCK Nhà nước quyết định chấp thuận lựa chọn để kiểm toán cho các doanh nghiệp có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2020, đồng thời là đơn vị Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 thống nhất lựa chọn.

Qua các chỉ tiêu về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty cho thấy: Tình hình tài chính của Công ty ổn định, vững chắc và ngày càng lớn mạnh, được thể hiện qua một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn năm 2020 tăng hơn so với năm 2019 gần 13,9 tỷ đồng; Thể hiện một cách rõ nét Công ty có nền tài chính vững chắc và ổn định, được tích lũy qua nhiều năm hoạt động;

- Khoản phải thu của khách hàng giảm 17,7 tỷ đồng so với đầu kỳ, cho thấy Công ty đã quản lý tốt các khoản phải thu, không để cho khách hàng chiếm dụng vốn.

- Khoản dự phòng phải thu khó đòi giảm so với năm 2019 cho thấy: Công ty thực hiện có hiệu quả trong công tác thu hồi công nợ, đã góp phần làm tăng kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020.

- Khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm giảm hơn nhiều so với năm trước: Thể hiện công ty đã quyết tâm sớm hoàn thành các công trình để đưa vào sử dụng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty;

- Khoản vay và nợ dài hạn giảm trên 26,6 tỷ đồng cho thấy: Công ty đã chủ động trong quản lý và sử dụng vốn vay một cách hiệu quả; thực hiện tốt thanh toán nợ vay;

- Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng hơn năm trước trên 13,5 tỷ đồng cho thấy việc tập trung đầu tư nguồn lực cho công tác chống thất thoát và phát triển thị trường trong năm 2020 và những năm trước là chủ trương, quyết định đúng đắn, đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững Công ty;

- Chỉ tiêu lợi nhuận tăng gần 50% so với cùng kỳ đã thể hiện một cách tổng quát hiệu quả công tác quản lý, điều hành, quản trị Công ty mỗi năm ngày càng tốt hơn; đảm bảo cho sự bảo toàn, phát triển vốn góp và cổ tức của các cổ đông.

- Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS) là 10,6% (năm 2019 là 7,35%);

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) là 11,8% (năm 2019 là 7,8%);

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) là 5,4% (năm 2019 là 3,5%);

+ Hệ số nợ phải trả trên tổng vốn chủ sở hữu là 0,95 (đầu kỳ là 1,07);

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn là 1,05;

+ Công ty không có nợ phải trả quá thời hạn cam kết.

IV. VIỆC CHẤP HÀNH CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ NQ ĐHCĐ

1. Về chấp hành chính sách pháp luật: Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường, xã hội; quản lý vốn, tài chính, thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Về chấp hành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Công ty hoạch toán, kê khai thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đúng quy định. Tổng số tiền thực hiện nghĩa vụ nhà nước trong năm là 44.110 triệu đồng. Năm 2020 Công ty được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen về thành tích tiên biểu trong việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (QĐ số 78/QĐ-UBND, ngày 08/01/2021).

3. Thực hiện kế hoạch thoái vốn nhà nước : Theo Quyết định số 908/QĐ-TTg, ngày 29/6/2020 của Chính phủ: Công ty là đơn vị nằm trong Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước dùng thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 để rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, thoái vốn trong giai đoạn 2021 - 2025.

4. Về thực hiện một số Nghị quyết của Đại hội cổ đông

a) Về phân phối lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức: Năm 2020 Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019. Việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức thực hiện theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, theo đó: Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 26.329.662.002 đồng, công ty trích:

+ Trích 15% vào quỹ đầu tư phát triển: 3.949.449.300 đồng;

+ Trích 15% vào quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.949.449.300 đồng;

+ Lợi nhuận còn lại 18.430.763.402 đồng, Công ty chia cổ tức theo tỉ lệ vốn góp, tương ứng với 558 đồng/cổ phần. Công ty thanh toán cho các cổ đông ngay sau đại hội. Phần cổ tức của Nhà nước Công ty đã nộp vào tài khoản thu ngân sách nhà nước vào ngày 12/8/2020.

b) Về tiền lương, thù lao và tiền thưởng của các cán bộ quản lý: Công ty thực hiện chi trả đúng Nghị quyết ĐH Cổ đông, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

V. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty luôn tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu; cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của Ban kiểm soát.

- Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp chuyên đề của Công ty; được tham gia thảo luận tại cuộc họp; tham gia trong các hội đồng kiểm kê, thanh lý tài sản.

- Các Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp của Hội đồng quản trị; các Báo cáo của Tổng Giám đốc và tài liệu Công ty phát hành đều được gửi đến cho Ban Kiểm soát đầy đủ, cùng thời điểm, theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành; không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Năm 2020 Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty.

VI. Kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát:

Qua kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát kết luận và kiến nghị như sau:

1. *Kết luận:* Thống nhất Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc Công ty; Báo cáo tài chính Công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế.

2. Kiến nghị:

- Công ty cần phải tiếp tục rà soát, xây dựng lại định mức lao động cho phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc quy định của pháp luật để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động;

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các định mức kinh tế kỹ thuật; quy chế nội bộ để tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sửa chữa cải tạo nội bộ để giảm thiểu tỉ lệ nước thất thoát; có giải pháp để giảm thiểu số lượng khách hàng sử dụng 0m³ nước;
- Quyết liệt và mạnh mẽ hơn nữa trong công tác thu hồi công nợ; báo cáo, kiến nghị, đề xuất với tỉnh để có giải pháp thu hồi các khoản công nợ lâu năm có nguồn gốc từ vốn nhà nước.

PHẦN II:

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 theo quy định của pháp luật hiện hành và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người người điều hành khác của Công ty trong công tác quản lý, điều hành Công ty;
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành; trong công tác thống kê và lập báo cáo;
4. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; kế hoạch đầu tư phát triển và sửa chữa cải tạo năm 2021;
5. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm; tài liệu, báo cáo đánh giá công tác quản lý Công ty;
6. Rà soát hợp đồng giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT;
7. Giám sát việc đảm bảo tính tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu./.

T/M BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Lê Thị Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC THANH HÓA**

Số: 13 /TTr-HĐQT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 4 năm 2021.

TỜ TRÌNH

Vv: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 19/5/2016;

Căn cứ Quyết định số 09 /QĐ-HĐQT ngày 26 /4 /2021 của HĐQT về việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa đã được “Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế (iCPA)” kiểm toán năm 2020, bao gồm:

1. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 (Mẫu số B01-DN);
2. Báo cáo kết quả HĐKD năm 2020 (Mẫu số B02-DN);
3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2020 (Mẫu số B03-DN).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính./.

(Có các mẫu số B01-DN; B02-DN; B03-DN kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

| Tài sản | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - Tài sản ngắn hạn | 100 | | 140.844.355.834 | 131.658.940.981 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 4.842.000.336 | 6.143.385.341 |
| 1. Tiền | 111 | | 934.179.936 | 1.143.385.341 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 3.907.820.400 | 5.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 76.899.381.939 | 63.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 76.899.381.939 | 63.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 35.100.314.852 | 41.970.977.012 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 37.435.935.437 | 55.152.139.329 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 1.168.365.001 | 336.958.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | | |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 18.923.510.416 | 17.757.664.978 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.5 | (22.427.496.002) | (31.275.785.295) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 22.923.053.473 | 19.776.148.671 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 22.923.053.473 | 19.776.148.671 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.079.605.234 | 768.429.957 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | | |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1.052.406.709 | 725.152.831 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12a | 27.198.525 | 43.277.126 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | | |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | |
| B - Tài sản dài hạn | 200 | | 597.177.198.330 | 617.802.110.244 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | | |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.5 | | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | | |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 567.118.288.045 | 569.364.121.608 |

| | | | | |
|-----------------------------------------------------|------------|-------|------------------------|------------------------|
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 566.986.621.375 | 569.364.121.608 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.269.091.723.335 | 1.212.349.318.635 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (702.105.101.960) | (642.985.197.027) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | |
| - Nguyên giá | 225 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 131.666.670 | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 572.621.550 | 414.621.550 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (440.954.880) | (414.621.550) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | | |
| - Nguyên giá | 231 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 20.261.879.638 | 34.514.335.644 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.9 | 20.261.879.638 | 34.514.335.644 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | | |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | | |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | | |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 9.797.030.647 | 13.923.652.992 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10 | 9.797.030.647 | 13.923.652.992 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | | |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| Tổng cộng tài sản (270=100+200) | 270 | | 738.021.554.164 | 749.461.051.225 |
| C - Nợ phải trả | 300 | | 358.744.663.329 | 387.659.078.405 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 133.703.008.747 | 136.006.394.812 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 33.491.155.772 | 55.177.602.329 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 5.084.867.460 | 677.535.834 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12b | 3.579.278.093 | 734.717.026 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 11.584.202.694 | 12.739.646.611 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13a | 4.007.512.049 | 802.811.487 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 46.605.213.869 | 35.485.208.015 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | 24.542.749.896 | 24.542.749.896 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 4.808.028.914 | 5.846.123.614 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 225.041.654.582 | 251.652.683.593 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | | |

| | | | | |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | V.13b | 4.122.892.316 | 4.621.171.431 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | | |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | | |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | 220.918.762.266 | 247.031.512.162 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | | |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | | |
| D - Vốn chủ sở hữu | 400 | | 379.276.890.835 | 361.801.972.820 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 379.276.890.835 | 361.801.972.820 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 329.954.110.000 | 329.954.110.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 329.954.110.000 | 329.954.110.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | | |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | | |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | | |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 9.467.650.118 | 5.518.200.818 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 39.855.130.717 | 26.329.662.002 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | | 26.329.662.002 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 39.855.130.717 | 26.329.662.002 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | | |
| 2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ | 432 | | | |
| Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400) | 440 | | 738.021.554.164 | 749.461.051.225 |


Thanh Hóa, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Đặng Thị Tiệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Cần

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phần I - Lãi Lỗ

Đơn vị tính: VNĐ

| | MS | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------------------------------------|----|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 366.360.507.977 | 352.814.104.440 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 366.360.507.977 | 352.814.104.440 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 254.713.991.670 | 222.658.264.398 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 111.646.516.307 | 130.155.840.042 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 5.715.098.656 | 4.754.538.780 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 17.523.882.997 | 18.884.564.910 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 17.523.882.997 | 18.884.564.910 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5a | 28.738.059.127 | 30.899.279.638 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5b | 24.760.047.231 | 52.726.686.690 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)) | 30 | | 46.339.625.608 | 32.399.847.584 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 3.761.080.560 | 687.267.455 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 40.917.774 | 100.890.786 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 3.720.162.786 | 586.376.669 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 50.059.788.394 | 32.986.224.253 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.7 | 10.204.657.677 | 6.656.562.251 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 60 | | 39.855.130.717 | 26.329.662.002 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 70 | VI.8 | 1.027 | 678 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 71 | | 1.027 | 678 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | | |

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 03 năm 2021



Người lập biểu

Đặng Thị Tiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Ngọc Cẩn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

| TT | Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2020 Đồng | Năm 2019 Đồng |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. | khác | 01 | 432.621.119.251 | 395.340.483.513 |
| 2. | Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ | 02 | (162.957.098.771) | (130.979.900.537) |
| 3. | Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (100.925.895.921) | (70.682.409.110) |
| 4. | Tiền lãi vay đã trả | 04 | (16.205.461.550) | (21.260.286.621) |
| 5. | Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (9.126.166.588) | (7.441.562.556) |
| 6. | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 13.963.975.817 | 16.932.654.757 |
| 7. | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (63.141.364.080) | (92.649.775.586) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 94.229.108.158 | 89.259.203.860 |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. | Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác | 21 | (43.254.612.062) | (60.245.804.776) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác | 22 | 306.000.000 | 278.200.000 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (24.970.576.460) | (85.000.000.000) |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 11.071.194.521 | 67.000.000.000 |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 5.845.730.353 | 4.246.121.110 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (51.002.263.648) | (73.721.483.666) |
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | |
| 2. | Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | |
| 3. | Tiền thu từ đi vay | 33 | 13.844.901.300 | 21.976.741.000 |
| 4. | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (39.957.651.196) | (33.662.749.896) |
| 5. | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (18.415.479.619) | (12.286.806.311) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (44.528.229.515) | (23.972.815.207) |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (1.301.385.005) | (8.435.095.013) |
| | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 6.143.385.341 | 14.578.480.354 |
| | <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i> | <i>61</i> | | |
| | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 4.842.000.336 | 6.143.385.341 |

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đặng Thị Tiệp

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Ngọc Cần

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC THANH HÓA**

Số: 11 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020; Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 19/5/2016;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 - Đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch SXKD của công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa năm 2021.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa trình Đại hội đồng cổ đông Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2021, bao gồm các nội dung khái quát như sau:

1. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa:

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2020: **329.954.110.000** đồng

- Vốn cổ đông khác **120.030.400.000** đồng bằng **36,38%** vốn chủ sở hữu.

- Vốn Nhà nước **209.923.710.000** đồng bằng **63,62%** vốn chủ sở hữu.

2. Về phân phối lợi nhuận và phân chia cổ tức năm 2020

2.1. Phân phối lợi nhuận năm 2020:

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 50.059.788.394 đồng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 10.204.657.677 đồng

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập: 39.855.130.717 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ:

Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi 11.956.539.216 đồng:



- Quỹ đầu tư phát triển: $39.855.130.717 \text{ đồng} \times 15\% = 5.978.269.608 \text{ đồng}$;
- Quỹ k/thường phúc lợi: $39.855.130.717 \text{ đồng} \times 15\% = 5.978.269.608 \text{ đồng}$;

2.2. Phân chia cổ tức cho các cổ đông (lợi nhuận còn lại):

(Lợi nhuận còn lại: $39.855.130.717 \text{ đ} - 11.956.539.216 \text{ đ} = 27.898.591.501 \text{ đồng}$)

- Cổ đông Nhà nước được hưởng lợi tức (63,62%): 17.749.083.913 đồng;
- Cổ đông khác được hưởng lợi tức (36,38%): 10.149.507.588 đồng;

(Tỷ lệ cổ tức năm 2020: 8,45%).

3. Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2021:

Vốn điều lệ : **329.954.110.000** đồng

- Vốn cổ đông khác **120.030.400.000** đồng bằng **36,38%** vốn chủ sở hữu.
- Vốn Nhà nước **209.923.710.000** đồng bằng **63,62%** vốn chủ sở hữu.

3.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021

a) Doanh thu và thu nhập (Kế hoạch SXKD): 370.880.000.000 đồng

b) Kết quả hoạt động (Kế hoạch SXKD): Lãi 37.500.000.000 đồng

3.2. Phân phối lợi nhuận năm 2021

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 37.500.000.000 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (20%): 7.500.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 30.000.000.000 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ công ty:

Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi: 9.000.000.000 đồng

Trong đó:

- Quỹ đầu tư phát triển: $30.000.000.000 \text{ đ} \times 15\% = 4.500.000.000 \text{ đồng}$
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: $30.000.000.000 \text{ đ} \times 15\% = 4.500.000.000 \text{ đồng}$ c)

Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức:

Lợi nhuận còn lại: $30.000.000.000 \text{ đ} - 9.000.000.0 \text{ đ} = 21.000.000.000 \text{ đồng}$

3.3. Phân chia cổ tức cho các cổ đông (21.000.000.000 đồng)

Tỷ lệ cổ tức năm 2021: $21.000.000.000 \text{ đ} : 329.954.110.000 \text{ đ} = 6,36 \%$.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Nam



Số: 06 /TTr-HĐQT

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước .

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua ngày 18/5/2016, Ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-CN ngày 09/06/2016 của Hội đồng quản trị công ty;

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thảo luận về mức tiền lương và thù lao năm 2021 đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và thư ký công ty, cụ thể như sau:

1. Về tiền lương

a) Tiền lương của người Quản lý chuyên trách Công ty, bao gồm: (Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT chuyên trách, Tổng Giám đốc, các Phó tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chuyên trách và Kế toán trưởng công ty). Thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016, Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

b) Các thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm); Thư ký công ty hưởng lương theo phương án phân phối tiền lương của người lao động năm 2021 do công ty

quy định.

2. Mức thù lao:

a) Thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hưởng lương chuyên trách, không hưởng thù lao
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: 3.000.000 đ/người/tháng
- Tiền Thù lao một năm của thành viên HĐQT không chuyên trách là:
 $4 \text{ người} \times 3.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 144.000.000 \text{ đ}$

b) Thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách, không hưởng thù lao
- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 2.000.000đ/người/tháng
- Tiền thù lao 1 năm của thành viên BKS không chuyên trách là:
 $2 \text{ người} \times 2.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 48.000.000 \text{ đ}$

c) Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS công ty năm 2021 là : 192.000.000 đ/năm.

(Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Nam

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020 của Bộ tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 19/5/2016.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS);
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá năng lực 03 đơn vị kiểm toán sau đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán VaCo;
- Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM;
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA).



Sau khi đánh giá các đơn vị kiểm toán này, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất đơn vị kiểm toán sau đây là đơn vị thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính Công ty năm 2021:

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ Chi nhánh Miền Trung: Tầng 9, tòa nhà Viettel, Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

Địa chỉ Chi nhánh Sài Gòn: Lầu 5, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế đã được Bộ tài chính và ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021 theo Quyết định số 745/QĐ-UBCKNN ngày 19 tháng 11 năm 2020 của ủy ban chứng khoán Nhà nước.

(Kèm theo Danh sách 32 Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021- Đợt 1, đợt 2).

Kính đề nghị Đại Hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Nguyễn Huy Nam", written over the red stamp.

Nguyễn Huy Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC THANH HÓA**

Số: 14 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa;

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội thông qua Điều lệ sửa đổi; Quy chế quản trị Công ty sửa đổi; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi, của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa.

Toàn văn Dự thảo sửa đổi Điều lệ; Quy chế quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được đăng tại địa chỉ website của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa (www.capnuocthanhhoa.vn)

Điều lệ, Quy chế mới được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sẽ có hiệu lực từ ngày 28/5/2021 và thay thế cho Điều lệ, Quy chế hiện hành. ✓

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Nam